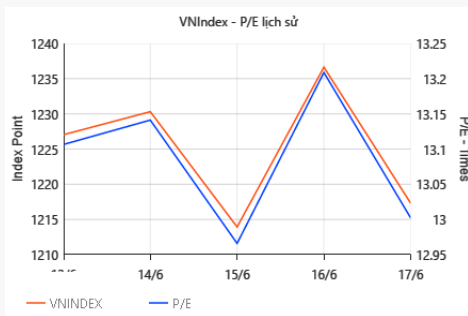


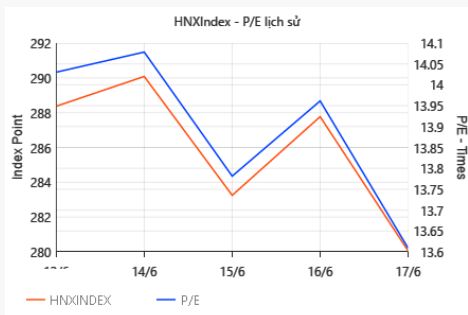


VN-INDEX



Điểm số	1,217.30
Tuần qua (WoW)	-5.20%
Từ đầu năm (YTD)	-18.75%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	12.97%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	0.42%
P/E	13
P/B	2.07

HNX -INDEX



Điểm số	280.06
Tuần qua (WoW)	-8.61%
Từ đầu năm (YTD)	-40.91%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-5.12%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-14.71%
P/E	13.61
P/B	1.59

CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU SUY YẾU

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Việc cục dự trữ liên bang Mỹ - FED chính thức tăng lãi suất mạnh nhất trong nhiều thập kỷ đã tạo ra xu hướng điều chỉnh trên thị trường Mỹ, tác động rõ nét nhất chính là đà rơi điểm tại các thị trường mang tính đầu cơ cao như tiền mã hóa (crypto). Với dự trữ ngoại hối lớn thì ít nhất tới thời điểm hiện tại Việt Nam vẫn chưa chịu áp lực quá lớn từ tỷ giá, tuy nhiên rủi ro sẽ lớn dần về cuối năm nếu FED tiếp tục có các đợt thắt chặt mới.

Nhìn lại vào nội tại, sự hồi phục của tiêu dung, bán lẻ, khu vực du lịch và áp lực lạm phát tính đến hiện tại chưa quá cao đang là dư địa của điều hành chính sách. Chúng tôi kỳ vọng việc nới room trong quý 3 đối với các NHTM sẽ giúp ổn định lại thị trường tài chính trong nước. Bên cạnh đó, việc giá nhiều loại hàng hóa, vật liệu (tiêu biểu là thép) đang hạ nhiệt sẽ tạo điều kiện cho việc đẩy nhanh đầu tư công, tạo thêm động lực cho giai đoạn cuối năm.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường đã giảm trở lại vùng hỗ trợ mạnh 1,200 nhưng các diễn biến cho thấy sự hỗ trợ ở vùng điểm này vẫn đang là đáng tin cậy. Do đó, nếu sẵn sàng và có thể chấp nhận rủi ro với hoạt động giao dịch ngắn hạn, đây là lúc thích hợp để giải ngân. Với hoạt động tích lũy mang tính trung dài hạn, vùng điểm này cũng là hấp dẫn.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Năm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	74.1%		-29.1%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	87.0%		-34.2%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		28.1%	226.1%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	63.1%		-29.1%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%		1.3%	34.8%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		92.4%	396.9%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	71.5%		-22.1%
VHM*	31/05/21	2	75,820	Nắm giữ	75,550	0%	14.5%		17.6%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		13.4%	30.1%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		70.8%	91.6%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	26.0%		28.3%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		13.1%	98.4%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	39.9%		84.1%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	55.7%		-18.4%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%	0.2%		28.9%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		45.2%	139.2%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	42.4%		-14.6%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	20.0%		21.0%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-50.4%
TNG	24/08/21	22,833 - 24,120	31,833	21,481	1:3	33.1%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	-19.1%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	49.7%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	-4.3%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	-2.5%
VND*	09/06/21	14,600 - 15,600	21,000	13,500	1:2.5	8.3%
DPG*	31/05/21	26,500 - 27,929	42,571	24,000	1:4	88.0%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-23.1%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-17.7%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	-23.6%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-42.0%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	103.1%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	-42.7%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	12.9%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	58.6%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	-3.6%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-5.7%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-24.4%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	-0.2%
GEG*	08/03/21	15,610 - 16,650	24,245	14,580	1:4	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	-10.9%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	-5.9%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	69.1%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	60.5%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	101.4%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	-21.4%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	-5.1%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	-100.0%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	135.3%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	-11.9%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	100.0%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	91.4%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	53.2%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	145.4%



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tuần qua cả 2 chỉ số chính đều điều chỉnh khá mạnh, trong khi VN-Index giảm 5.2% thì HNX-Index giảm 8.6%. Thanh khoản khá thấp cho thấy lực cầu tham gia bắt đáy chưa quá hứng khởi. Đà giảm tỷ lệ nghịch với mức vốn hóa khi xét đến các nhóm smallcap, midcap và VN30.

Thực tế thì trong bối cảnh thị trường Mỹ giảm mạnh, hầu hết các chỉ số chứng khoán trừ nhóm các chỉ số thị trường Trung Quốc đều giảm khá mạnh trong tuần vừa qua.

GAS là trụ kéo thị trường chính trong tuần qua trong khi các nhóm lớn như Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản đều đang có nhịp điều chỉnh khá sâu. Gần như tất cả các nhóm ngành đều điều chỉnh trong tuần qua trừ nhóm Tiện ích gồm GAS và các cổ phiếu điện, nước đang được thị trường quan tâm như một lựa chọn phòng thủ khi thị trường vẫn đang khá rủi ro.

Khối ngoại duy trì đà mua ròng trong tuần qua với giá trị khoảng 1.2 nghìn tỷ, tập trung vào HSX và Upcom trong đó tốc độ mua trên Upcom có gia tăng hơn trong tháng 6 này.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)



Nhận định

VNINDEX có tuần giảm 5.2%, mở cửa tuần thấp hơn hẳn so với tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa và cao hơn mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn các tuần liền trước và cao hơn trung bình.

Thị trường có ngày thứ hai tiêu cực ngay khi mở cửa và áp lực bán mạnh và hoàn toàn áp đảo, khối lượng giao dịch cả ngày lớn, đóng cửa ở mức thấp nhất ngày, mức giảm sâu. Dù vậy thì áp lực bán này không được duy trì sang những ngày tiếp theo, khi mà VNIndex về đến vùng điểm hỗ trợ 1,200. Hệ quả là biên độ dao động ngày đã thu hẹp, thị trường tăng nhẹ trong ngày thứ ba và dao động lên xuống trong ba ngày còn lại của tuần. Diễn biến đáng chú ý cuối cùng trong tuần là vào ngày thứ sáu cuối tuần, khi mà thị trường cũng giảm tương đối đáng kể ngay khi mở cửa và sau đó tiếp tục giảm nhưng đã hồi phục trong buổi chiều và đóng cửa cao hơn mở cửa, khối lượng giao dịch cả ngày.

Tương quan cung cầu và tâm lý thị trường có dấu hiệu biến đổi tích cực trong ngày thứ sáu (so với các ngày trước đó trong tuần) khi hồi phục về buổi chiều, giúp đóng cửa cao hơn mở cửa và khối lượng giao dịch gia tăng mạnh ở vùng đáy. Vùng hỗ trợ mạnh 1,200 vẫn đang được giữ vững và chưa có dấu hiệu gì thực sự đáng lo ngại cho vùng điểm này.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,180 – 1,200
Kháng cự	1,400



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



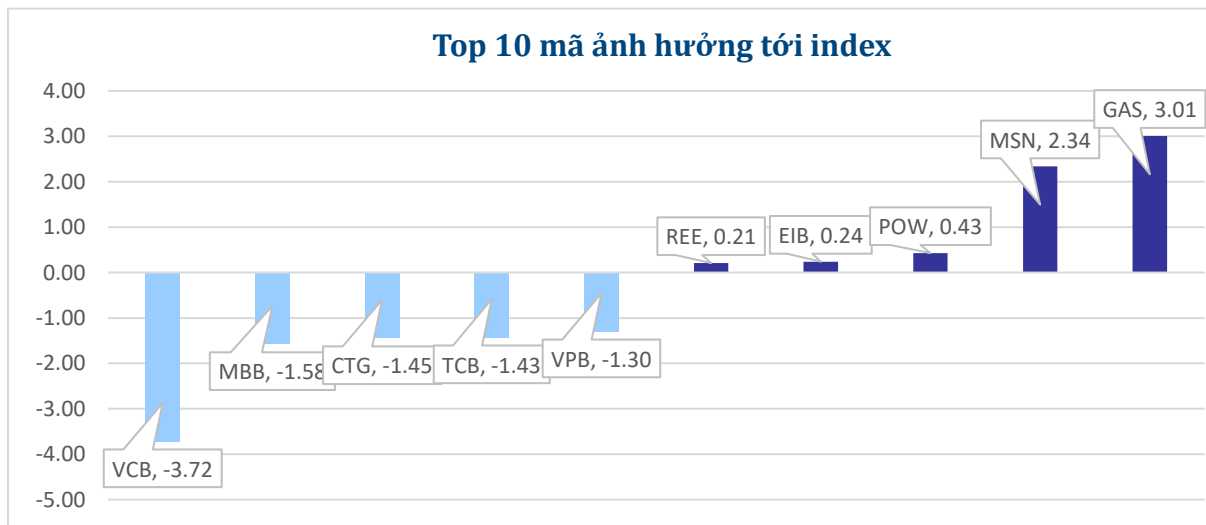
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC
BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,217.30	-1.56%	-19.33	738.58	17,333.7	87	37	391
Vn30 - Index	1,258.03	-1.74%	-22.34	209.75	6,652.1	5	3	22
Vn - Mid	1,589.15	-2.48%	-40.41	297.23	7,683.6	16	4	50
VN - Small	1,452.85	-2.75%	-41.13	110.71	2,049.3	24	12	178
HNX - Index	280.06	-2.68%	-7.71	80.54	1,621.7	33	26	285
Upcom - Index	87.10	-2.41%	-2.15	71.58	1,169.1	105	44	310

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	17,333.70	17.52%	738.58	31.49%
HNX	1,621.70	7.97%	80.54	20.76%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

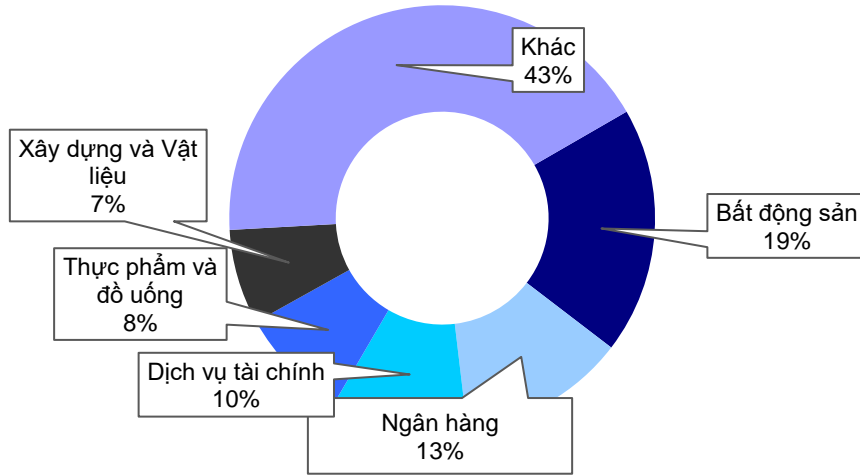


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)					
POW	37.95	HPG	687.4	VIB	337%	PET	7.0%	CEO	-9.8%
HPG	30.24	POW	597.6	MS	281%	GEG	6.9%	SSI	-7.0%
VND	28.72	DIG	505.3	HDC	262%	TNG	6.6%	DIG	-6.9%
MBB	20.94	MBB	489.4	GEG	255%	MSN	5.7%	VND	-6.9%
SSI	20.94	VND	486.6	MBB	243%	HDG	5.2%	GEX	-6.9%

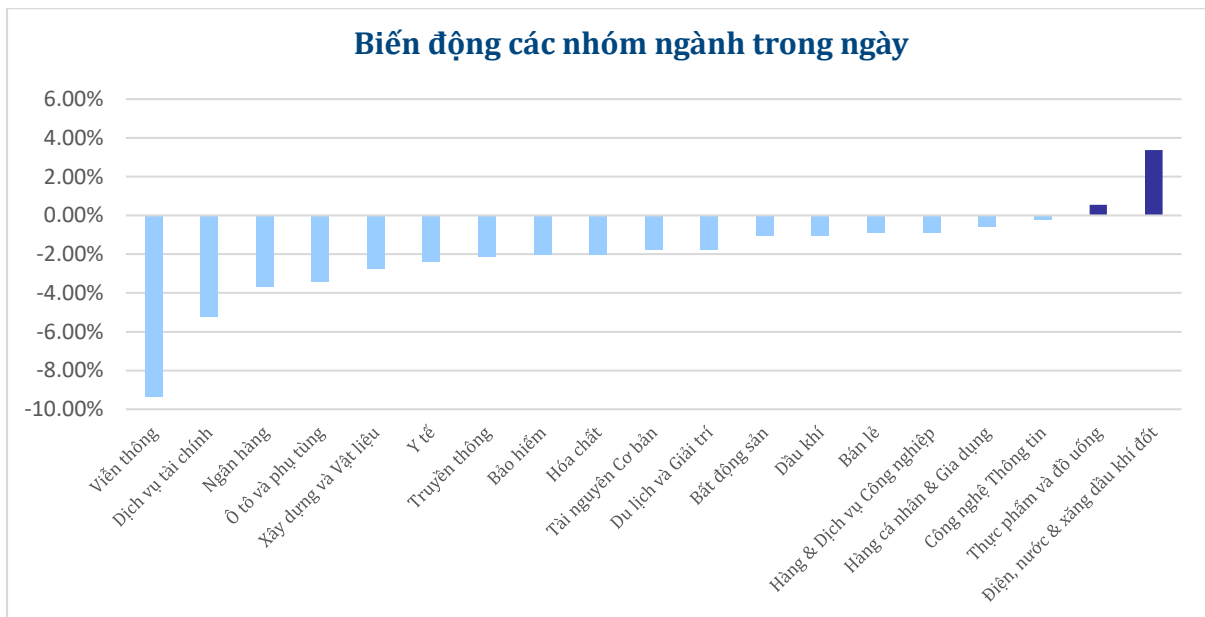


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

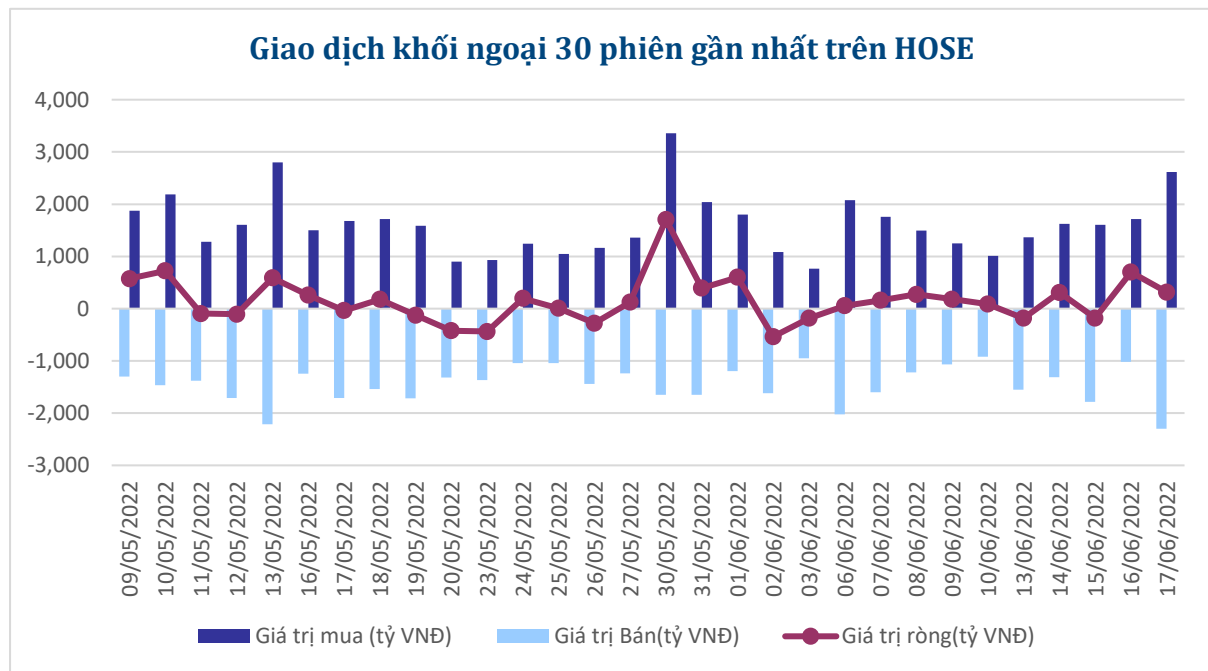




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

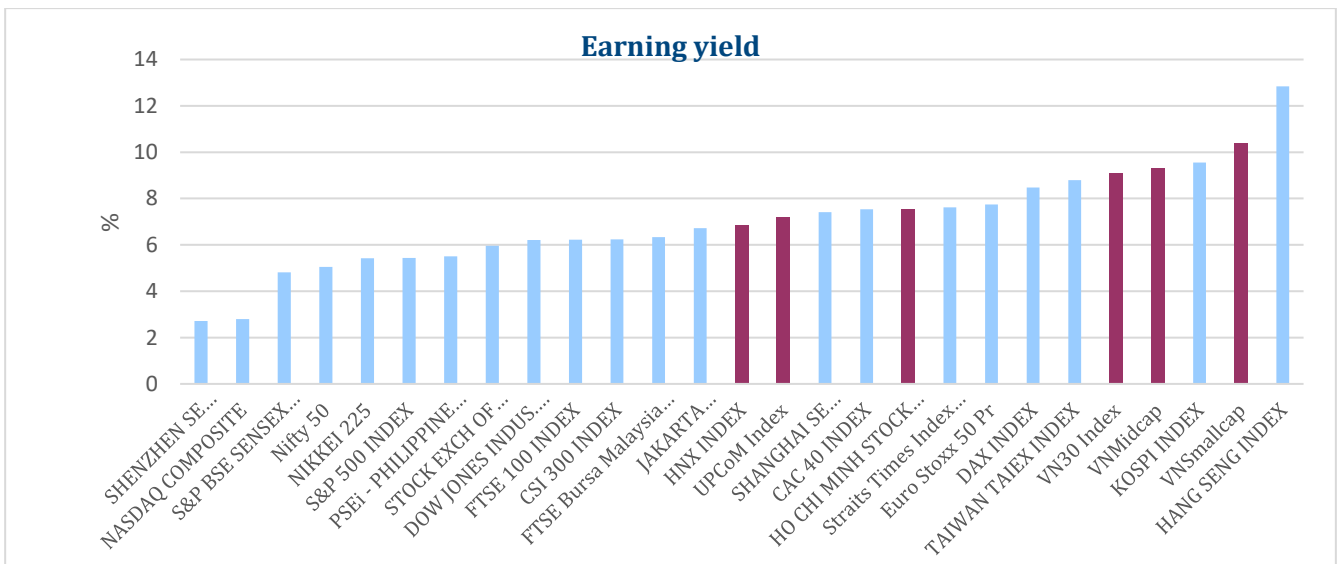
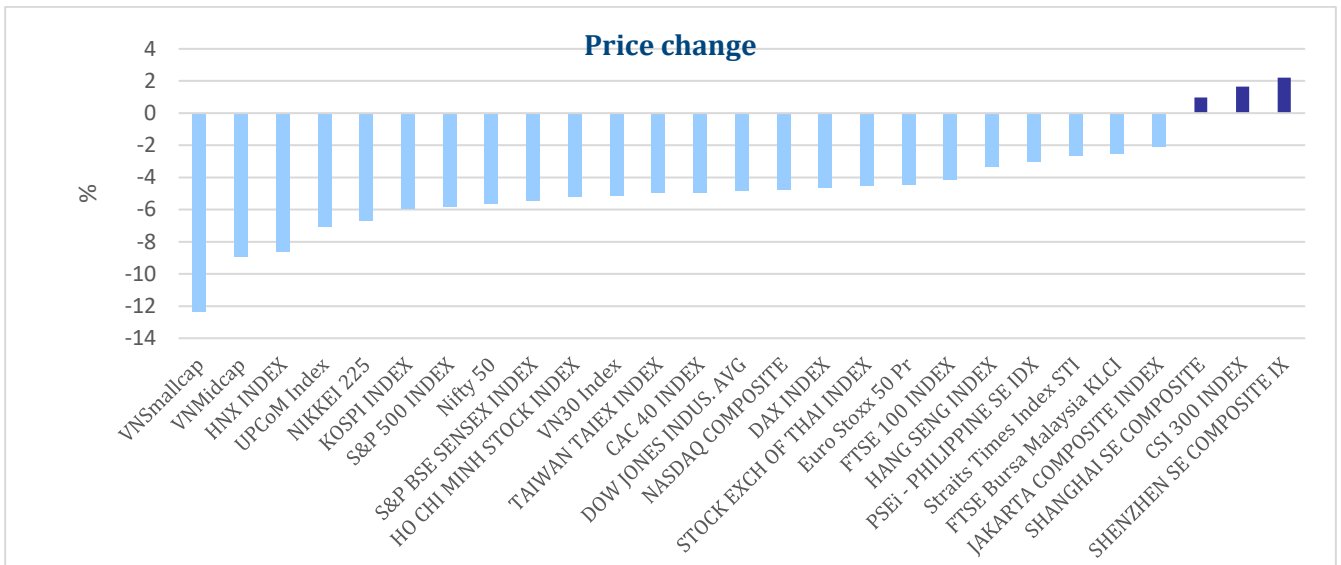
Trên HOSE mua ròng 315.5 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 2.47 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
HPG	109.65	VIC	150.56
VND	70.72	DGC	102.99
DXG	67.81	NVL	64.78
VHM	66.26	MWG	50.58
VNM	58.21	E1VFN30	39.13

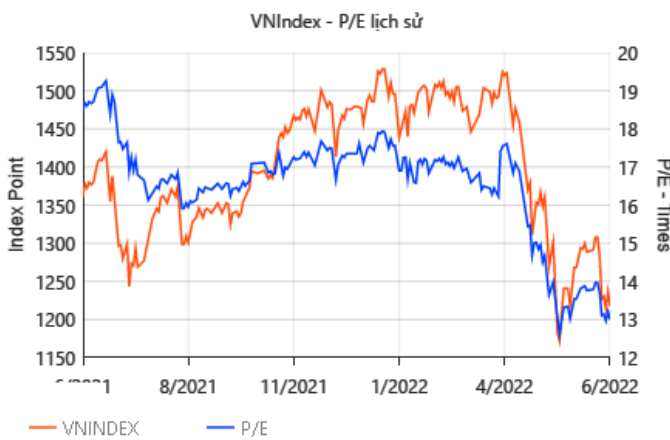




BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

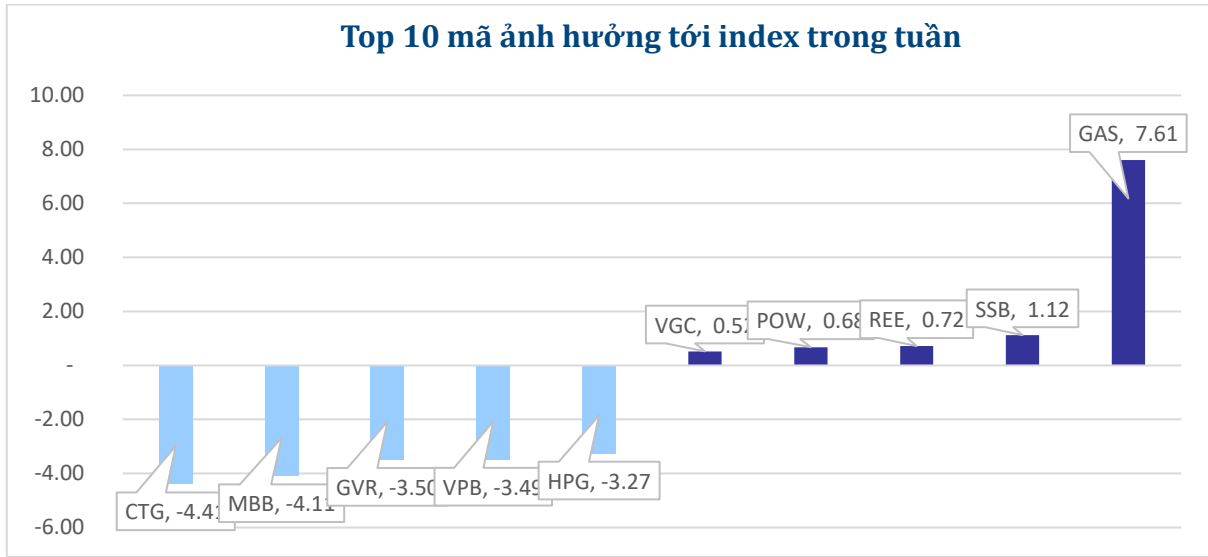


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



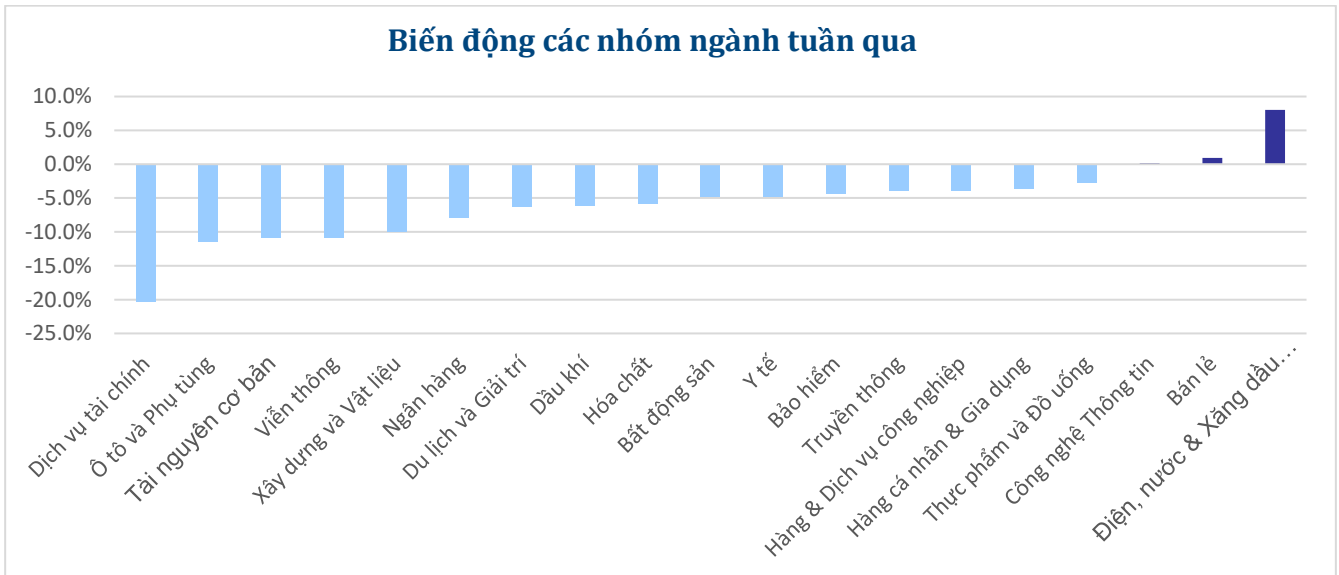


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



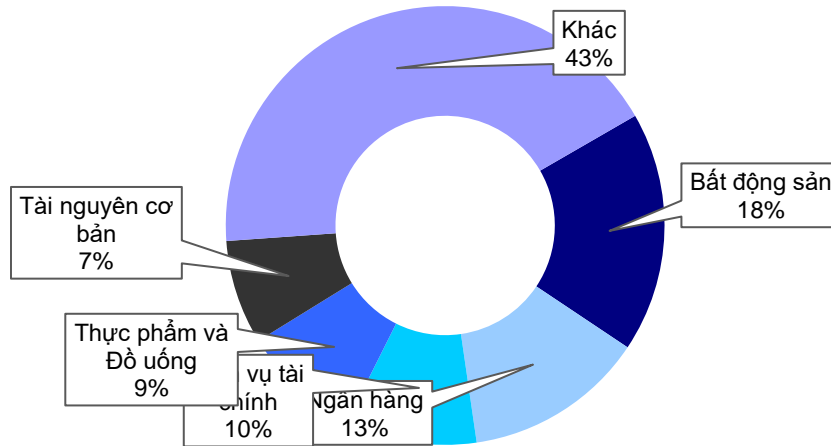
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
POW	31.8	HPG	825.2	NT2	2.90x	VSH	17.3%	SJF	-30.2%
HPG	28.4	BSR	747.6	BSR	2.30x	ANV	16.7%	DIG	-30.1%
BSR	24.0	POW	486.4	POW	2.20x	GAS	12.9%	LDG	-30.0%
VND	21.2	SSI	438.3	VSH	2.08x	PC1	12.8%	VND	-29.6%
SSI	18.6	DIG	423.9	GEG	2.05x	HDG	11.6%	FIT	-29.5%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

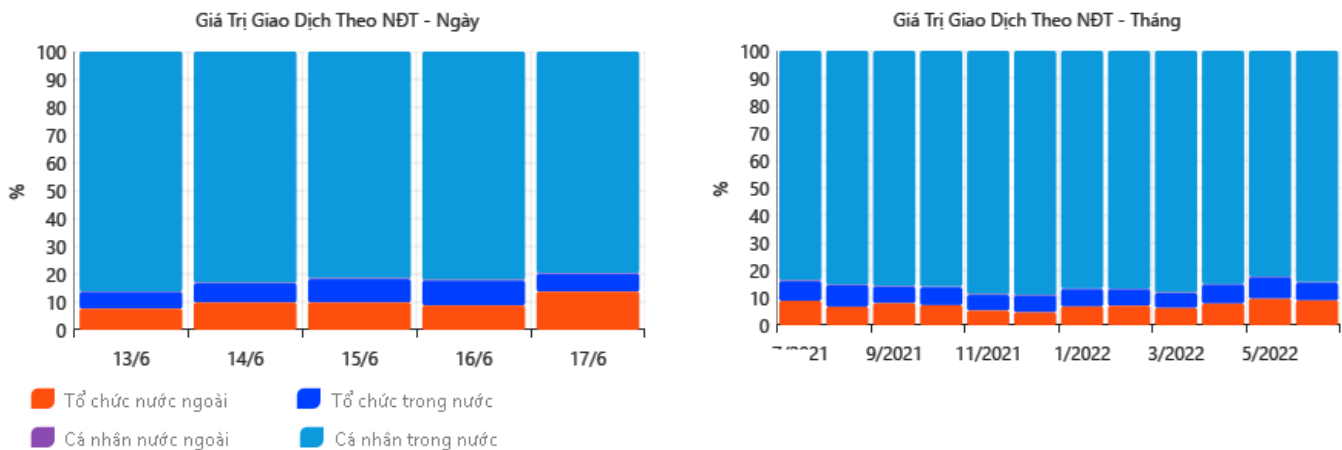


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-8.76%	6,334.1	MWG	3.60%	2,122.8
POW	7.33%	4,657.2	HPG	-8.76%	2,114.6
DIG	-30.10%	4,106.7	FPT	1.28%	1,311.8
SSI	-26.03%	4,023.9	FUEFVND	-3.72%	1,300.4
VND	-29.58%	3,783.8	MBB	-15.27%	1,300.4

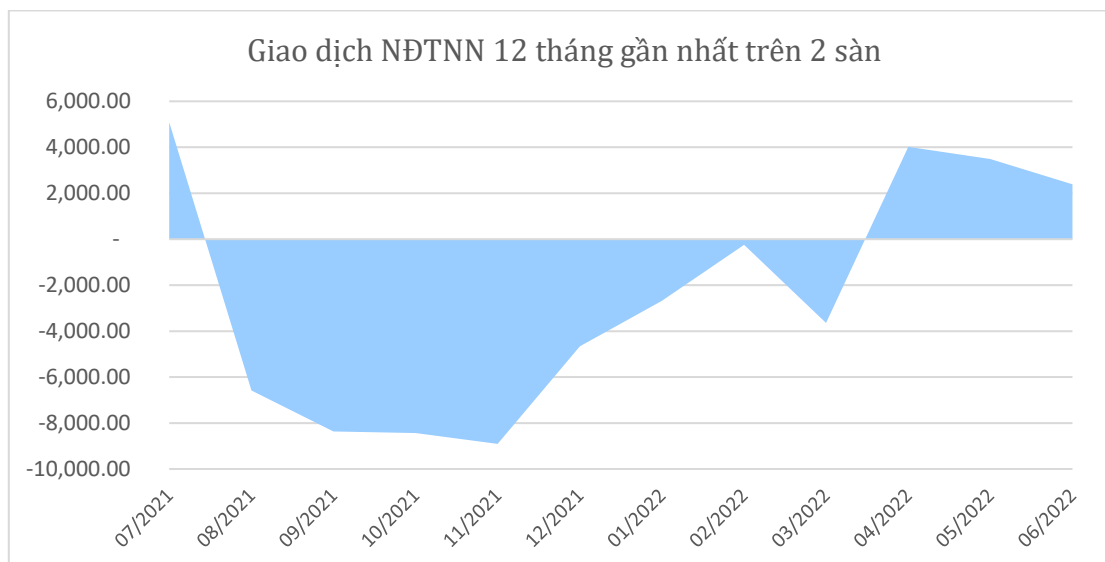
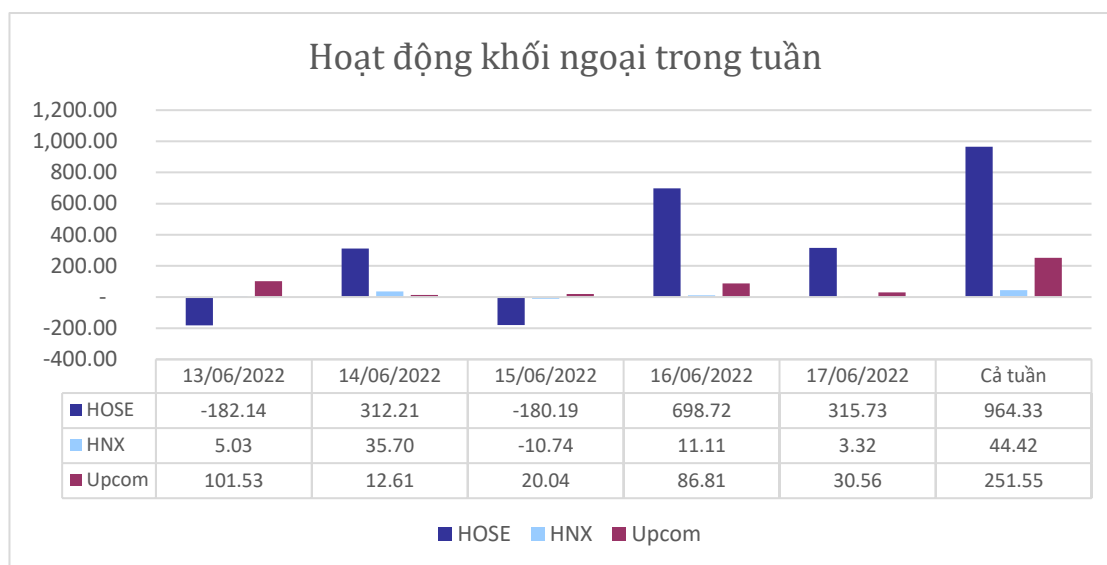
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

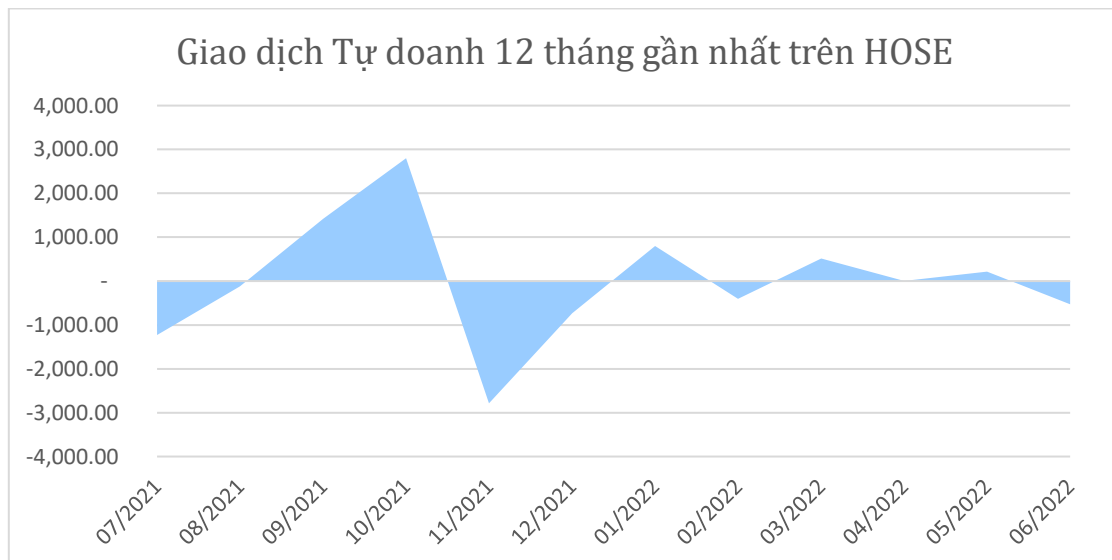
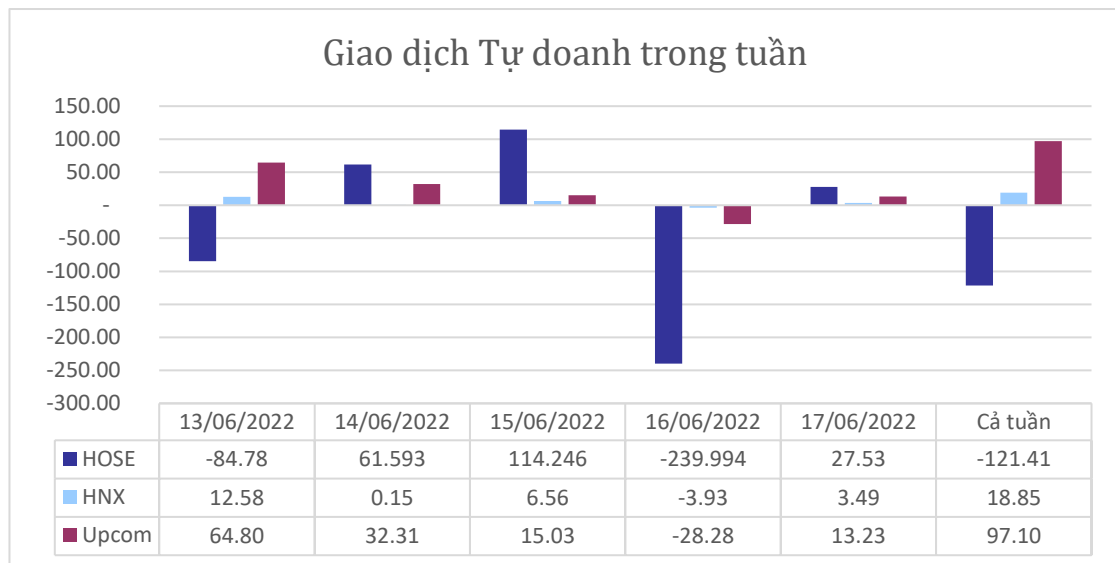
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-8.76%	448.01	FUEVFVND	-3.72%	273.64
GAS	12.89%	198.11	DGC	3.94%	268.77
DPM	1.12%	159.60	VIC	-1.79%	247.08
VHM	-3.37%	128.80	NVL	-1.69%	91.83
GMD	0.91%	118.99	MWG	3.60%	70.40





KHOẢNG TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

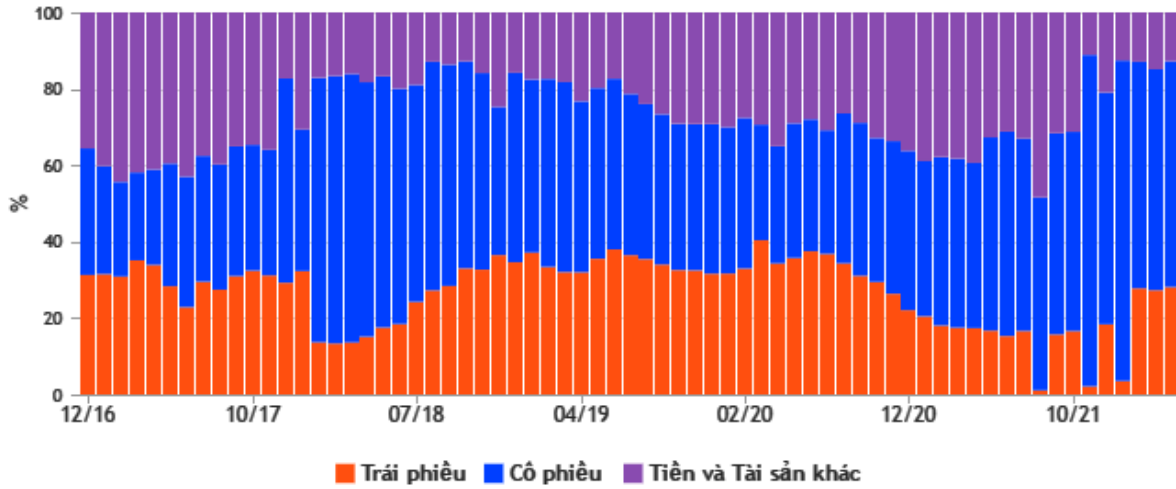
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
DPM	1.12%	133.71	TCB	-9.09%	87.50
GAS	12.89%	124.30	VPB	-9.71%	79.33
DCM	7.73%	95.43	FPT	1.28%	77.13
E1VFN30	-4.46%	38.62	MWG	3.60%	68.13
TDM	5.19%	28.14	ACB	-8.33%	49.00



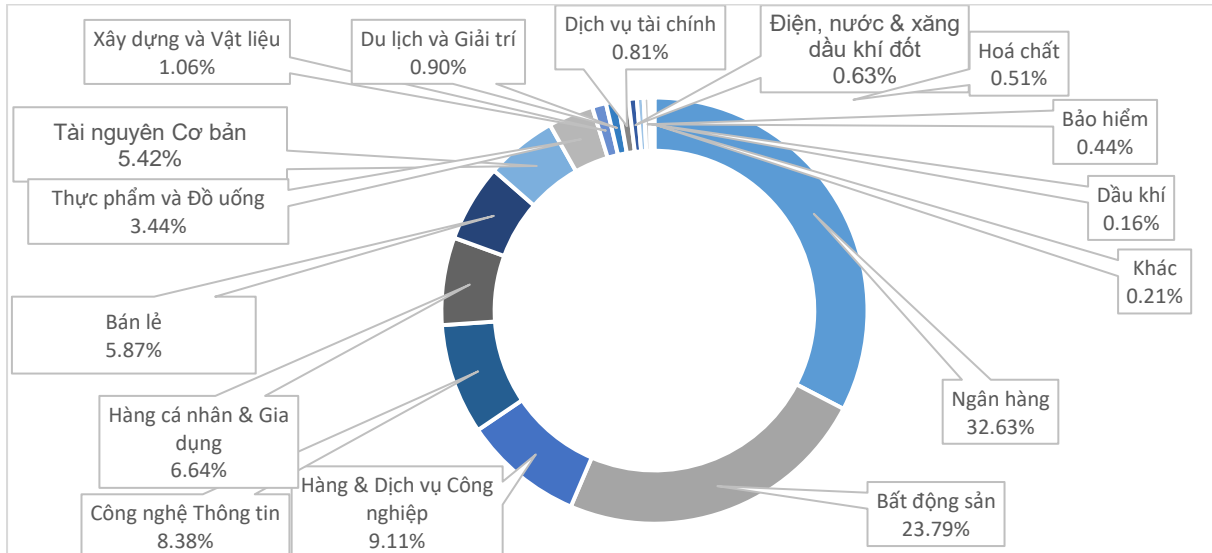


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

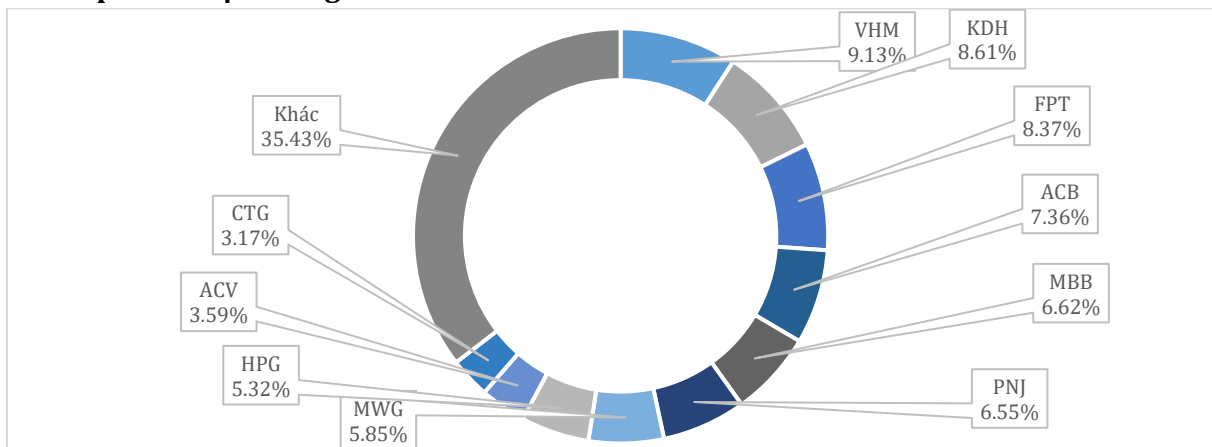
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
NVL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	20/06/22	21/06/22	20/06/22
ADP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	20/06/22	21/06/22	06/07/22
BIO	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)	20/06/22	21/06/22	04/08/22
SPB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	20/06/22	21/06/22	29/06/22
VCC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600 đ/cp)	20/06/22	21/06/22	30/06/22
HTC	HNX	Thưởng cp (tỷ lệ 2:1)	20/06/22	21/06/22	20/06/22
TAW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900đ/cp)	21/06/22	22/06/22	06/07/22
NTL	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2021 (1.000 đ/cp)	21/06/22	22/06/22	08/07/22
MIG	HSX	Chi trả cổ tức năm tài chính 2021 (tỷ lệ 100:15)	21/06/22	22/06/22	21/06/22
MIG	HSX	Chi trả cổ tức năm tài chính 2021 (tỷ lệ 100:15)	21/06/22	22/06/22	21/06/22
BRR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (200đ/cp)	21/06/22	22/06/22	06/07/22
HMC	HSX	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền (4.500 đ/cp), bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:30)	21/06/22	22/06/22	06/07/22
DNH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.400đ/cp)	21/06/22	22/06/22	22/07/22
LDW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (330đ/cp)	21/06/22	22/06/22	30/06/22
DLT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	21/06/22	22/06/22	25/07/22
HDC	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:25)	21/06/22	22/06/22	21/06/22
FBC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (6.500đ/cp)	21/06/22	22/06/22	22/07/22
KBC	HSX	Thưởng cp (tỷ lệ 3:1)	21/06/22	22/06/22	21/06/22
EAD	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	21/06/22	21/06/22	21/06/22
HPT	Upcom	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	21/06/22	22/06/22	05/08/22
PLE	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900đ/cp)	21/06/22	22/06/22	22/07/22
PVH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	21/06/22	22/06/22	21/06/22
DBC	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 20:1)	22/06/22	23/06/22	22/06/22
PHS	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 7,15%)	22/06/22	23/06/22	22/06/22
SSC	HSX	Thanh toán cổ tức năm 2021 (3.000 đ/cp)	22/06/22	23/06/22	20/07/22
PRE	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	22/06/22	23/06/22	30/06/22
SSI	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp), bán ưu đãi (tỷ lệ 2:1)	22/06/22	23/06/22	20/06/22
LHG	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.900 đ/cp)	23/06/22	24/06/22	28/07/22
ONW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	23/06/22	24/06/22	23/06/22
AAT	HSX	Trả cổ tức năm 2021(300 đ/cp)	23/06/22	24/06/22	15/07/22
PGN	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 12%)	23/06/22	24/06/22	23/06/22
SEP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	23/06/22	24/06/22	08/07/22
ICN	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 20%)	23/06/22	24/06/22	23/06/22
PNJ	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 (600 đ/cp)	23/06/22	24/06/22	21/07/22
SKN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (186đ/cp)	23/06/22	24/06/22	06/07/22
LIX	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (3.000 đ/cp)	23/06/22	24/06/22	06/07/22
CSV	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	24/06/22	27/06/22	18/07/22
D11	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 12%)	24/06/22	27/06/22	24/06/22
LCM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 lần 2			24/06/22
PIS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (850đ/cp)	24/06/22	27/06/22	07/07/22
VXB	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/06/22	27/06/22	24/06/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
SGI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	24/06/22	27/06/22	24/06/22
SP2	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	24/06/22	27/06/22	24/06/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	703
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696